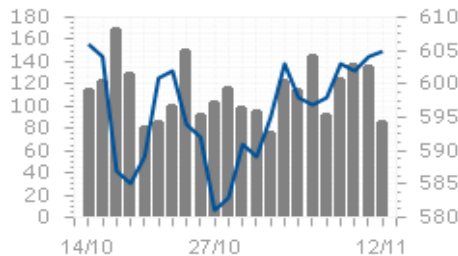


HOSE 12/11/2014

VNINDEX	604.01	-0.22	-0.04%
KLGD	126,581,590	CP	
GTGD	2,053.79	Tỷ	
GTR NDTNN	-	19.73	Tỷ
CP Tăng giá	129	CP	
CP Giảm giá	74	CP	
CP Đứng giá	101	CP	

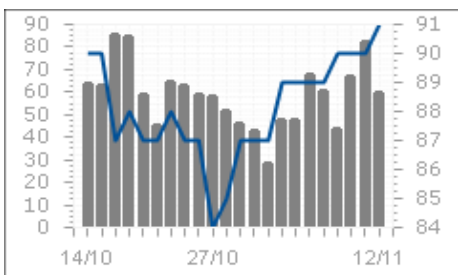


Tâm điểm

- ▶ **Lực bán ra ở cổ phiếu vốn hóa lớn cuối phiên kéo thị trường giảm nhẹ**
- ▶ **Thanh khoản duy trì ở mức trung bình và tập trung tại một số mã**
 NĐT Nước ngoài bán ròng nhẹ trên HOSE và mua ròng nhẹ trên HNX
- ▶ **Tập đoàn thép Nhật Bản JFE Steel muốn quay lại Việt Nam**
 JFE cân nhắc mức góp vốn vào cơ sở sản xuất do Taiwan Plastic làm chủ đầu tư Ndh
- ▶ **ASEAN đối tác thương mại hàng đầu của VN**
 ASEAN là khu vực thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam Gafin
- ▶ **Trung Quốc đề xuất "khởi thương mại riêng" đối trọng với TPP**
 Lần đầu tiên Bắc Kinh thúc đẩy các thỏa thuận thương mại đa quốc gia. Gafin
- ▶ **KBC lãi lũy kế 9 tháng 154,5 tỷ đồng, hoàn thành 96,6% kế hoạch năm 2014**
 Trong khi cùng kỳ năm 2013, KBC ghi nhận lỗ hơn 61,3 tỷ đồng KBC
- ▶ **PVC: 9 tháng lãi sau thuế hơn 252 tỷ đồng, vượt 80% kế hoạch cả năm**
 Năm 2014, PVC đạt kế hoạch lãi sau thuế 140 tỷ đồng DVO

HNX 12/11/2014

HNXINDEX	91.13	1.27	1.41%
KLGD	80,476,769	CP	
GTGD	1,174.15	Tỷ	
GTR NDTNN	-	1.86	Tỷ
CP Tăng giá	125	CP	
CP Giảm giá	76	CP	
CP Đứng giá	178	CP	



Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,085,127	14.8	3.1	19.3%	10.3%
HNX	148,497	15.1	1.9	8.7%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,233,624	15.5	3.3	19.7%	9.9%

Theo ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,187	6.8	1.0	13.0%	8.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	20,191	9.1	1.5	15.9%	10.5%
Khai khoáng	39,639	14.5	2.1	21.9%	10.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,738	94.4	6.1	-3.8%	-3.2%
Xây dựng	25,300	14.4	1.5	13.5%	7.6%
Máy công nghiệp	33,287	64.6	1.3	-2.3%	1.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,718	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	11,340	9.0	1.5	18.3%	13.4%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,738	11.2	3.0	25.5%	11.1%
Thực phẩm	23,120	13.1	2.1	19.2%	6.4%
Dược phẩm	196,909	24.6	4.7	18.9%	14.6%
Phần mềm	15,919	11.5	2.9	22.6%	15.0%
Sản xuất & phân phối điện	17,835	10.7	2.3	21.7%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,245	9.8	1.5	16.0%	7.5%
Bảo hiểm nhân thọ	209,567	17.2	5.6	32.5%	22.0%
Môi giới chứng khoán	26,198	21.4	2.3	10.2%	2.1%
Ngân hàng	29,756	13.2	1.8	10.8%	7.7%
Bất động sản	237,837	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	189,694	17.3	3.7	23.2%	5.6%
	49,351	11.3	2.3	21.7%	9.2%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	641.89	-0.13	-0.02%
HNX30	183.07	1.24	0.68%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

VietinBankSc
 306 Ba Triệu
 Hai Ba Trưng
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Tập đoàn thép Nhật Bản JFE Steel muốn quay lại Việt Nam

ASEAN đối tác thương mại hàng đầu của VN

Trung Quốc đề xuất "khởi thương mại riêng" đối trọng với TPP

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

KBC lãi lũy kế 9 tháng 154,5 tỷ đồng, hoàn thành 96,6% kế hoạch năm 2014

PVC: 9 tháng lãi sau thuế hơn 252 tỷ đồng, vượt 80% kế hoạch cả năm

NTP: Quý 3 lãi sau thuế hợp nhất tăng 30%, 9 tháng đạt hơn 230 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Tập đoàn sắt thép hàng đầu Nhật Bản JFE Steel cho biết đang cân nhắc khả năng tham gia một dự án cán thép quy mô lớn hiện do tập đoàn Taiwan Plastic đang đầu tư xây dựng tại Việt Nam. Theo nhật báo Nikkei, JFE cân nhắc mức góp vốn vào cơ sở sản xuất do Taiwan Plastic làm chủ đầu tư khoảng 10% số vốn. Mức độ tham gia của JFE sẽ phụ thuộc vào quá trình đàm phán, tuy nhiên khoản vốn đóng góp nhiều khả năng sẽ vượt quá 100 tỷ yen. Nếu được thực hiện, JFE sẽ là công ty Nhật Bản đầu tiên tham gia vận hành một cơ sở chế thép ở Đông Nam Á.

Tổng cục Hải quan cho biết, hiện nay, các nước thành viên ASEAN là đối tác đứng thứ 2 cung cấp hàng hóa cho Việt Nam (chỉ sau thị trường Trung Quốc) và là khu vực thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam (sau Hoa Kỳ và EU). Tính từ đầu năm đến hết tháng 9/2014, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với thị trường các nước ASEAN đạt 30,63 tỷ USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước, nhưng lại là tốc độ tăng thấp nhất từ trước tới nay. Ở chiều ngược lại, các doanh nghiệp Việt Nam đã nhập khẩu 16,99 tỷ USD hàng hóa có xuất xứ từ các nước ASEAN, tăng 7,4% và chiếm 15,8% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước từ tất cả các thị trường.

Các nhà phân tích cho rằng, động thái này của Trung Quốc là nhằm đối trọng với Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) do Mỹ khởi xướng nhưng lại không có Trung Quốc. Dù thỏa thuận thương mại tự do mới này được Ủy ban về Thương mại của APEC đề xuất nhưng Trung Quốc được cho nước đi đầu trong việc ủng hộ đề xuất này. Các chuyên gia nhận định, đây là lần đầu tiên Bắc Kinh đóng một vai trò quan trọng như vậy trong việc thúc đẩy các thỏa thuận thương mại đa quốc gia. Các quan chức Mỹ và nhiều nước khác đều cho rằng đề xuất của Trung Quốc sẽ khiến Hội nghị APEC đi chệch hướng. Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn coi đây là chủ đề trung tâm của Hội nghị.

► Tin doanh nghiệp

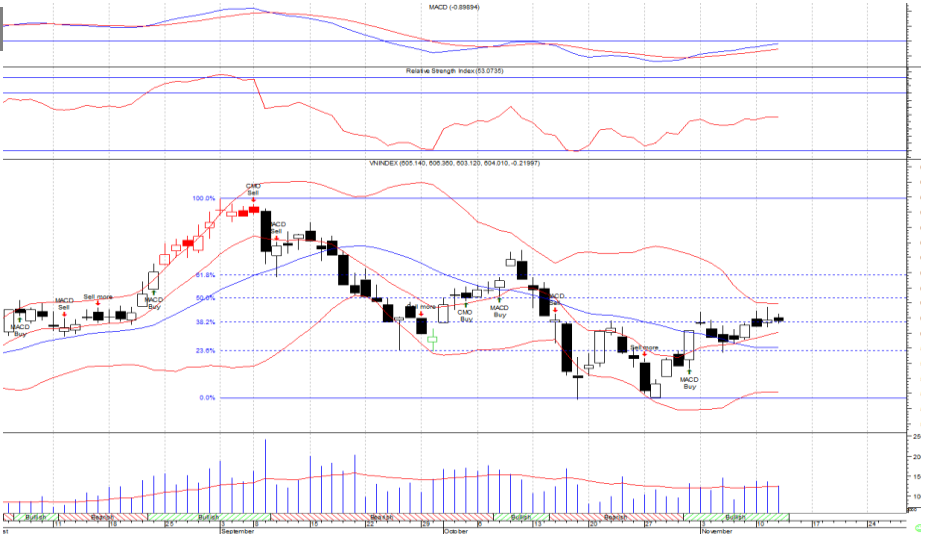
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HOSE: Mã KBC) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2014. Theo đó doanh thu thuần đạt gần 359,9 tỷ đồng, tăng mạnh 158,3% so với cùng kỳ năm 2013. Lợi nhuận sau thuế đạt 128,63 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm 2013, KBC ghi nhận lỗ hơn 61,3 tỷ đồng. Đáng chú ý doanh thu tài chính trong quý III/2014 đạt 15,23 tỷ đồng, tăng mạnh 194% so với cùng kỳ. Hàng tồn kho của KBC 9 tháng đầu năm ghi nhận 7.485 tỷ đồng, chiếm gần 62% tổng tài sản. Theo kế hoạch năm 2014 của KBC, tổng doanh thu cả năm là 1.800 tỷ đồng và 160 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Như vậy, với lãi lũy kế 9 tháng 154,5 tỷ đồng, KBC đã hoàn thành 96,6% kế hoạch năm.

Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (HNX: Mã PVC) đã công bố BCTC hợp nhất quý III/2014, với doanh thu thuần đạt hơn 1.006,5 tỷ đồng, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2014, doanh thu thuần của PVC đạt 3.108,3 tỷ đồng, tăng 21,7% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt hơn 252 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ cũng gấp gần 5 lần cùng kỳ và đạt hơn 157,6 tỷ đồng. Năm 2014, PVC đạt kế hoạch lãi sau thuế 140 tỷ đồng, và với kết quả trên, sau 9 tháng đầu năm 2014, công ty đã vượt 80% kế hoạch cả năm. Hết quý III/2014, tài sản ngắn hạn của PVC đạt 2.165 tỷ đồng, tăng 13,8% so với đầu năm. Các khoản phải thu của công ty tăng vọt 42% lên mức 956 tỷ đồng. Tại thời điểm 30/9/2014, nợ ngắn hạn của PVC đạt hơn 1.260,4 tỷ đồng.

CTCP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (HNX: Mã NTP) đã công bố BCTC hợp nhất quý III/2014, với doanh thu thuần đạt hơn 723,88 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ năm trước. Quý III/2014, NTP ghi nhận mức lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt hơn 66,8 tỷ đồng, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm ngoái. NTP đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 393 tỷ đồng. Như vậy, với mức lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2014 đạt 268 tỷ đồng công ty đã hoàn thành 68,2% kế hoạch năm.

HOSE 12/11/2014 VNINDEX

Lực bán ra ở cổ phiếu vốn hóa lớn cuối phiên kéo thị trường giảm nhẹ
 VN-Index hình thành cây nến đen với thân nến và bắc nến ngắn cho thấy thị trường đang khá lưỡng lự và đi ngang.
 - MA10 đang đi lên hỗ trợ xu thế hồi phục của thị trường trong khi MA20 đi ngang và sẽ là đường hỗ trợ mạnh nếu thị trường điều chỉnh.
 - MACD đang trong vùng tín hiệu mua vào nhưng mức độ tin cậy thấp.
 - RSI (14) tiếp tục xu hướng hồi phục nhưng mức độ hồi phục là không mạnh.
 - Thị trường đang trong xu hướng hồi phục nhưng đang ở gần vùng cản trên. VNIndex sẽ dao động vùng 595-515 điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.2 (1.6%)	17,430,220
ITA	0.4 (4.5%)	11,077,390
VHG	0.8 (5.1%)	5,429,610
OGC	0 (0.0%)	5,014,620
KBC	0.3 (1.7%)	4,543,300

HOSE Top 5 theo % tăng

SRC	2.5 (6.9%)	409,530
BSI	0.7 (6.9%)	684,310
KAC	0.7 (6.9%)	80
PPI	0.9 (6.7%)	1,843,890
VSI	0.6 (6.7%)	1,480

HOSE Top 5 theo % giảm

CCI	-0.9 (-6.2%)	10
VTB	-0.7 (-5.7%)	1,320
VLF	-0.4 (-5.4%)	20
DAG	-0.7 (-5.4%)	17,600
PXT	-0.3 (-4.5%)	718,480

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KBC	10,3 tỷ	579,550
DIG	6,5 tỷ	442,240
MWG	6,2 tỷ	61,390
FLC	6,1 tỷ	499,990
VIC	4,7 tỷ	96,180

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

GAS	-23,0 tỷ	216,730
PVD	-19,5 tỷ	212,790
VHC	-5,6 tỷ	99,390
NBB	-2,7 tỷ	131,990
BVH	-2,7 tỷ	69,310

GD NDTNN KL Ròng GT Ròng (tỷ)

HOSE	1,190,090	-	19.73
------	-----------	---	-------

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VNIndex tăng điểm nhẹ trong cả phiên nhưng về cuối phiên lực bán ra ở CP vốn hóa lớn kéo chỉ số giảm nhẹ.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức trung bình và tập trung ở một số cổ phiếu, mức lan tỏa là chưa lớn.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng phiên thứ 3 nhưng với giá trị không lớn 20 tỷ đồng, nếu giá trị bán ròng tăng lên thì sẽ tác động không tốt cho thị trường.
- ▶ Lực bán của khối ngoại đối với các cổ phiếu vốn hóa lớn đã tác động nhiều tới thị trường, xu thế này có thể còn tiếp diễn và là điều đáng lưu tâm.
- ▶ NĐT nên thực hiện chiến thuật mua khi giảm xuống vùng hỗ trợ và bán khi lên ngưỡng cản. CP cơ bản nên được ưu tiên giao dịch trong giai đoạn này.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	106.0	200,870.00	17.6	5.7	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	104.0	104,012.33	17.9	5.7	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	27.3	72,755.06	15.8	1.4	10.6%	1.0%
VIC	1,454.6	48.8	70,982.29	14.4	2.6	27.6%	6.2%
MSN	735.8	83.0	61,072.08	-1,511.3	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.4	53,617.03	9.1	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.0	36,545.63	9.1	1.1	12.3%	0.7%
PVD	303.0	92.0	27,879.39	11.6	2.5	22.6%	10.8%
HPG	481.9	57.5	27,709.72	8.8	2.4	30.2%	14.7%
BVH	680.5	38.8	26,402.29	21.4	2.3	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	11.5	845.24	37.0	1.0	NA	TH.DOI
HBC	52.7	17.1	901.04	20.9	1.0	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.1	2,322.09	7.2	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.5	3,024.32	8.3	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.8	656.10	3.9	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.7	571.53	1.8	0.9	NA	TH.DOI

HNX

12/11/2014

HNX-Index

Dòng tiền tích cực vào kéo HNXIndex tăng mạnh lên gần vùng đỉnh cũ 92 đ.

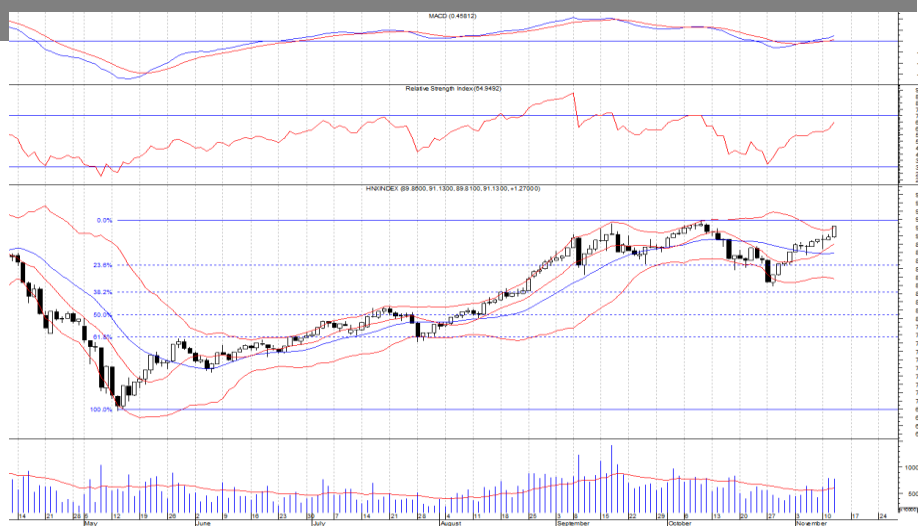
HNX-Index hình thành cây nến trắng dài cho thấy lực mua vào mạnh.

- Đường MA10 tăng mạnh và tách xa MA20, đường MA20 có dấu hiệu tăng trở lại là tín hiệu tích cực.

- MACD đang trong vùng mua vào và xu hướng tăng có thể tiếp diễn.

- RSI tăng lên 65 điểm cho thấy lực tăng là khá mạnh và xu thế còn có thể tiếp tục.

- HNXINDEX đang trong xu hướng tăng tuy vậy HNXindex đang tiến gần lên vùng đỉnh cũ nên có thể xem xét bán chốt lời, việc mua đuổi cần thận trọng khi lực bán chốt lời gia tăng.



HNX Top 5

theo KLGD

KLF	1.3 (10.0%)	20,442,130
SCR	0.4 (3.9%)	8,313,560
PVC	2.3 (6.8%)	4,002,040
PVX	0.2 (3.2%)	3,878,600
SHS	0.3 (2.5%)	3,583,210

HNX Top 5

theo % tăng

ITQ	1.3 (10.0%)	422,080
KLF	1.3 (10.0%)	20,442,130
SHN	0.4 (10.0%)	1,223,470
SDU	1.1 (9.9%)	200
CJC	2.1 (9.9%)	500

HNX Top 5

theo % giảm

SIC	-0.8 (-9.9%)	100
TET	-1.9 (-9.7%)	3,110
ECI	-2 (-9.6%)	900
SHA	-0.8 (-9.5%)	308,700
VMC	-1.7 (-9.4%)	100

HNX Top 5

Mua ròng NDTNN

SHS	7,7 tỷ	620,600
VND	5,0 tỷ	358,000
BVS	2,3 tỷ	148,300
PLC	1,8 tỷ	56,000
SD9	0,6 tỷ	36,900

HNX Top 5

Bán ròng NDTNN

PVS	-13,5 tỷ	330,000
PVC	-2,1 tỷ	60,500
PVE	-0,7 tỷ	48,000
NBC	-0,4 tỷ	34,500
HMH	-0,2 tỷ	9,100

GD NDTNN

KL Ròng 811,700

GT Ròng (tỷ) 1.86

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Lực cầu mạnh ở nhiều mã cổ phiếu khiến thị trường tăng trong cả phiên giao dịch. Tuy vậy thanh khoản chỉ tập trung vào một số cổ phiếu lớn.
- ▶ Thanh khoản ở mức khá cao so với giai đoạn trước nhưng chỉ tập trung ở một số cổ phiếu, mức độ lan tỏa dòng tiền chưa lớn.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng 2 tỷ đồng khi mua vào 20 tỷ và bán ra 18 tỷ. SHS, VND, BVS là những cổ phiếu được mua mạnh, PVS bị bán ra mạnh nhất.
- ▶ Lực bán ra ở vùng đỉnh có thể khiến đà tăng bị chững lại, thanh khoản sẽ tăng lên, thị trường chỉ tăng tiếp nếu dòng tiền tiếp tục vào tích cực.
- ▶ NĐT nên thực hiện chiến thuật mua khi giảm xuống vùng hỗ trợ và bán khi lên ngưỡng cản. CP cơ bản nên được ưu tiên giao dịch trong giai đoạn này.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	41.4	18,493.40	11.0	2.1	19.6%	6.6%
ACB	909.8	16.0	14,556.49	26.4	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.0	0.7	8.2%	0.7%
VCG	441.7	13.4	5,918.92	10.1	1.0	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	82.6	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.4	4,142.91	13.2	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.4	2.1	22.9%	15.2%
VNR	131.1	20.4	2,673.95	8.5	0.8	12.7%	5.7%
PVX	400.0	6.5	2,600.00	- 2.0	3.4	-128.0%	-7.7%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	37.9	1,440.20	8.8	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.1	637.56	5.9	1.1	NA	TH.DOI
VND	155.0	14.1	2,185.48	11.2	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	36.0	1,800.00	10.2	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.0	338.62	8.0	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	15.22%	83.0	#####	4.30	210,130	257,174	235,686
VIC	HOSE	1,454.6	70,982.29	12.53%	48.8	14.37	2.58	1,097,539	1,442,692	2,031,055
PVD	HOSE	303.0	27,879.39	11.71%	92.0	11.63	2.52	324,802	538,299	554,627
HPG	HOSE	481.9	27,709.72	11.57%	57.5	8.77	2.41	446,736	593,310	800,324
HAG	HOSE	789.9	19,984.45	7.45%	25.3	10.62	1.37	3,892,056	3,785,390	4,009,266
KDC	HOSE	255.2	15,692.41	7.00%	61.5	25.70	2.35	1,152,978	876,024	853,338
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	5.69%	19.1	8.91	1.23	325,659	379,388	418,082
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	5.16%	27.3	15.76	1.42	312,349	274,472	499,565
DPM	HOSE	379.9	11,398.03	4.04%	30.0	9.46	1.23	399,845	467,393	1,040,100
KBC	HOSE	389.8	7,015.68	2.83%	18.0	30.20	1.38	6,086,811	5,436,926	4,738,810
ITA	HOSE	718.9	6,613.93	2.64%	9.2	68.20	0.81	4,658,301	4,845,139	7,788,234
HSG	HOSE	96.3	4,863.81	1.95%	50.5	15.35	2.21	233,705	331,393	354,218
BVH	HOSE	680.5	26,402.29	1.83%	38.8	21.44	2.25	233,023	220,275	247,070
HVG	HOSE	132.0	4,395.59	1.55%	33.3	15.03	1.82	1,714,563	1,671,518	1,841,748
FLC	HOSE	314.9	3,904.68	1.53%	12.4	9.43	0.87	12,283,871	11,266,526	15,344,976
PPC	HOSE	318.2	8,081.13	1.47%	25.4	11.01	1.49	340,711	339,656	619,770
DRC	HOSE	83.1	4,942.89	1.41%	59.5	14.42	3.48	66,605	92,282	175,354
PVT	HOSE	255.9	4,579.85	1.37%	17.9	15.42	1.49	1,738,948	1,763,612	2,274,067
CSM	HOSE	67.3	3,014.68	1.32%	44.8	8.58	2.35	93,930	139,445	245,733
VSH	HOSE	206.2	3,011.12	1.16%	14.6	14.16	1.11	517,757	554,740	681,702
OGC	HOSE	300.0	2,700.00	0.56%	9.0	33.22	0.85	5,554,568	6,309,104	4,959,294

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	8.82%	83.0	#####	4.30	210,130	257,174	235,686
VIC	HOSE	1,454.6	70,982.29	7.52%	48.8	14.37	2.58	1,097,539	1,442,692	2,031,055
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	7.13%	27.3	15.76	1.42	312,349	274,472	499,565
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.57%	19.1	8.91	1.23	325,659	379,388	418,082
PVS	HNX	446.7	18,493.40	5.68%	41.4	10.98	2.09	1,667,900	2,288,358	3,696,389
BVH	HOSE	680.5	26,402.29	4.46%	38.8	21.44	2.25	233,023	220,275	247,070
DPM	HOSE	379.9	11,398.03	4.25%	30.0	9.46	1.23	399,845	467,393	1,040,100
HAG	HOSE	789.9	19,984.45	4.13%	25.3	10.62	1.37	3,892,056	3,785,390	4,009,266
PVD	HOSE	303.0	27,879.39	3.97%	92.0	11.63	2.52	324,802	538,299	554,627
PPC	HOSE	318.2	8,081.13	3.19%	25.4	11.01	1.49	340,711	339,656	619,770
ITA	HOSE	718.9	6,613.93	3.12%	9.2	68.20	0.81	4,658,301	4,845,139	7,788,234
FLC	HOSE	314.9	3,904.68	2.70%	12.4	9.43	0.87	12,283,871	11,266,526	15,344,976
SHB	HNX	886.1	7,797.53	2.52%	8.8	9.02	0.72	2,263,038	3,572,889	5,033,553
VCG	HNX	441.7	5,918.92	2.07%	13.4	10.11	1.04	1,175,876	1,212,834	1,470,522
PVT	HOSE	255.9	4,579.85	1.77%	17.9	15.42	1.49	1,738,948	1,763,612	2,274,067
OGC	HOSE	300.0	2,700.00	1.46%	9.0	33.22	0.85	5,554,568	6,309,104	4,959,294
DRC	HOSE	83.1	4,942.89	1.05%	59.5	14.42	3.48	66,605	92,282	175,354
IJC	HOSE	274.2	3,783.88	0.65%	13.8	22.49	1.32	730,646	695,580	1,550,022
PVX	HNX	400.0	2,600.00	0.00%	6.5	- 2.03	3.40	4,708,704	6,139,633	9,186,806

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,982.29	0.00%	48.8	14.37	2.58	1,097,539	1,442,692	2,031,055
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.00%	83.0	#####	4.30	210,130	257,174	235,686
DPM	HOSE	379.9	11,398.03	0.00%	30.0	9.46	1.23	399,845	467,393	1,040,100
HAG	HOSE	789.9	19,984.45	0.00%	25.3	10.62	1.37	3,892,056	3,785,390	4,009,266
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	0.00%	27.3	15.76	1.42	312,349	274,472	499,565
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.00%	19.1	8.91	1.23	325,659	379,388	418,082
BVH	HOSE	680.5	26,402.29	0.00%	38.8	21.44	2.25	233,023	220,275	247,070
CTG	HOSE	3,723.4	53,617.03	0.00%	14.4	9.13	1.00	375,428	338,258	382,745
GAS	HOSE	1,895.0	200,870.00	0.00%	106.0	17.58	5.73	286,820	409,859	410,049

Công ty quản lý	Royal Bank of Scotland	Ngày lập quỹ	19/09/2011	SLCKVN	9/142
Chỉ số tham chiếu	MSCI Frontier Markets Index	Ngày lập chỉ số	30/11/2007	TGTTSQL	22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	4.01%	83.0	#####	4.30	210,130	257,174	235,686
VIC	HOSE	1,454.6	70,982.29	2.27%	48.8	14.37	2.58	1,097,539	1,442,692	2,031,055
PVD	HOSE	303.0	27,879.39	4.39%	92.0	11.63	2.52	324,802	538,299	554,627
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.89%	19.1	8.91	1.23	325,659	379,388	418,082
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	1.28%	27.3	15.76	1.42	312,349	274,472	499,565
BVH	HOSE	680.5	26,402.29	1.79%	38.8	21.44	2.25	233,023	220,275	247,070

Công ty quản lý	iShares	Ngày lập quỹ	12/09/2012	SLCKVN	6/102
Chỉ số tham chiếu	MSCI Frontier 100 Index	Ngày lập chỉ số	30/11/2007	TGTTSQL	519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý	iShares	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	MSCI VN Investable Market Indx	Ngày lập chỉ số	01/12/2010	TGTTSQL	4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,187	6.8	1.0	13.0%	8.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,191	9.1	1.5	15.9%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,059	29.7	1.0	3.4%	1.5%
Sản xuất giấy	927	6.8	1.1	14.2%	7.5%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,639	14.5	2.1	21.9%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,931	3.5	1.0	22.0%	5.2%
Khai khoáng	12,738	94.4	6.1	-3.8%	-3.2%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,300	14.4	1.5	13.5%	7.6%
Xây dựng	33,287	64.6	1.3	-2.3%	1.8%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,249	9.6	1.2	15.7%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	1,259	8.3	1.3	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,477	7.0	0.9	13.1%	6.5%
Thiết bị điện	2,096	38.0	1.0	2.7%	0.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	47	15.4	0.6	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,718	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,852	3.5	1.2	5.2%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,340	9.0	1.5	18.3%	13.4%
Dịch vụ vận tải	6,749	9.2	1.6	18.9%	11.8%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,965	11.9	1.6	18.0%	8.5%
Đào tạo & Việc làm	277	11.0	0.9	8.3%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	194	8.9	0.8	11.9%	4.9%
Chất thải & Môi trường	186	2.8	0.9	33.4%	16.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,155	12.9	1.3	14.6%	7.2%
Lốp xe	8,738	11.2	3.0	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,559	7.0	1.2	17.3%	9.2%
Vang & Rượu mạnh	329	14.2	2.2	16.7%	10.4%
Đồ uống & giải khát	220	6.1	1.1	14.7%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,120	13.1	2.1	19.2%	6.4%
Thực phẩm	196,909	24.6	4.7	18.9%	14.6%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	74	20.9	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,812	9.6	1.6	15.1%	7.4%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	567	35.8	1.4	4.1%	2.8%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,701	8.5	1.7	19.8%	7.9%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,185	11.6	2.1	17.9%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	700	8.1	1.1	1.9%	4.4%

12 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	2,025	18.8	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	167	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	209	8.9	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,919	11.5	2.9	22.6%	15.0%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	277	44.0	0.9	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	744	10.4	1.2	13.7%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,997	10.4	1.7	18.5%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,123	10.4	1.0	9.2%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,614	72.2	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,829	23.3	1.3	11.1%	9.4%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,766	18.8	3.6	23.5%	20.3%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	795	11.8	1.0	9.0%	3.3%
Internet	340	71.7	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,835	10.7	2.3	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	480	15.2	0.8	4.7%	1.8%
Thiết bị văn phòng	295	5.6	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,330	34.5	7.0	34.0%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,245	9.8	1.5	16.0%	7.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	209,567	17.2	5.6	32.5%	22.0%
Nước	1,232	6.6	1.1	16.9%	11.5%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,379	7.9	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,930	11.9	0.7	6.6%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,661	8.5	0.8	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,198	21.4	2.3	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,932	35.4	1.0	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	29,756	13.2	1.8	10.8%	7.7%
Ngân hàng					
Ngân hàng	237,837	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	189,694	17.3	3.7	23.2%	5.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	49,351	11.3	2.3	21.7%	9.2%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.